

IRREGULAR VERBS 1-15

Click to the number to listen then write down verbs

TT	Infinitive	Past	PastParticiple	Meaning
1				thì, là, ở
2				trở nên
3				bắt đầu
4				thôi
5				bể, làm vỡ
6				mang
7				xây dựng
8				nổ, nổ tung
9				mua
10				có thể
11				chụp, bắt
12				lựa chọn
13				đến
14				trị giá
15				cắt

